TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5- 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Vũ Thị Phượng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Khuyến
Ông Nguyễn Sỹ Luận

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị Thùy Duyên -Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn***:** Bà Thị N, sinh năm 1988

Bị đơn: Ông Điểu D, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Thôn BK 2, xã H, huyện P, tỉnh Bình Phước.

(Bà Thị N, ông Điểu D có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Thị N trình bày*:*

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Điểu D tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 01/3/2018.

Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Ông Điểu D thường nhậu nhẹt say sỉn, nhiều lần có hành vi hành hạ, đánh đập, chửi bới bà và chửi bố mẹ bà; không có trách nhiệm chăm lo vợ, nhiều lần sai nhưng không xin lỗi và có suy nghĩ cho rằng bà ngoại tình với bố ruột. Bà không thể chịu đựng được tính tình của ông D, sống trong lo sợ bị hành hạ vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Điểu D.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có hai con chung gồm Điểu Xuân Trường, sinh ngày 21/5/2010 và Điểu Xuân TR, sinh ngày 26/10/2018. Khi ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Bà yêu cầu ông Điểu D cấp dưỡng nuôi các con chung là 2.000.000đ/2 con/ tháng.

Ngày 01/4/2024, bà Thị N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Điểu D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Điểu D:

Ông và bà Thị N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2018 tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung gồm Điểu Xuân Trường, sinh năm 2010; Điểu Xuân Triều, sinh năm 2018.

Đến cuối năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do làm ăn khó khăn, áp lực, mệt mỏi nên thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã. Khi xảy ra cãi vã, bà N hay bỏ đi đêm, nhiều lần ông gọi điện không bắt máy. Khoảng giữa tháng 3 năm 2024, mâu thuẫn trầm trọng hơn. Đêm khuya bà N hay gọi điện thoại cho một ai đó, ông hỏi thì bà N không nói và bỏ đi. Ông đuổi theo kêu bà N về nhưng bà N cầm cây đánh ông nên ông có tát bà N. Vài hôm sau, bà N đánh con, tức giận ông có tát bà N. Từ đó, hai vợ chồng không nói chuyện với nhau, ông đến xã Minh Lập, huyện Chơn Thành để làm, sau đó có nhắn tin về xin lỗi bà N nhưng bà N không chấp nhận.

Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N, ông mong muốn Toà án nhân dân huyện P hòa giải, hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Nếu bà N tha thứ, ông hứa sẽ thay đổi, chăm sóc gia đình và các con được tốt hơn.

Về con chung: Trường hợp Tòa án hòa giải nhưng không có kết quả, ông đồng ý giao hai con chung là cháu Điểu Xuân Tr, sinh ngày 21/5/2010 và cháu Điểu Xuân Triều, sinh ngày 26/10/2018 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng do hai con còn nhỏ, đang đi học.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy bà Thị N khởi kiện yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Điểu D. Theo lời trình bày của bà N, ông D và xác minh tại địa phương, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã có mâu thuẫn trầm trọng vì bạo lực gia đình, nghi ngờ ngoại tình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn, về nuôi con chung của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Bà Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Điểu D. Bị đơn thường trú tại thôn BK 2, xã H, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện P căn cứ các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]*Về nội dung vụ án*:

[a] Về yêu cầu ly hôn:

Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa bà Thị N, ông Điểu D được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 là hôn nhân hợp pháp,

Cả hai thừa nhận có mâu thuẫn trong hôn nhân, bà N cho rằng ông D có hành vi bạo hành, chửi bới, không quan tâm đến bà, nghi ngờ bà ngoại tình với bố ruột. Ông D cho rằng mỗi lần cãi vã, bà N hay bỏ đi đêm. Từ đầu năm 2024 cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng.

Theo xác minh tại địa phương, ông bà có mâu thuẫn từ năm 2023, thường xuyền cãi vã, xô xát và hiện cả hai đang sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N cương quyết ly hôn và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Bà N khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, bà sợ sự bạo hành từ ông D đồng thời ông D nhiều lần chửi bới, xúc phạm trực tiếp bố mẹ bà nên bà không thể tiếp tục chung sống với ông D.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hôn nhân giữa ông D, bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục duy trì. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Thị N.

[b] Xét yêu cầu về nuôi con: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung gồm Điểu Xuân Trường, sinh ngày 21/5/2010 và Điểu Xuân Triều, sinh ngày 26/10/2018.

Quan điểm của ông Điểu D cũng đồng ý giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyện vọng của cháu Điểu Xuân Trường muốn được ở cùng bà Thị N.

Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự thống nhất việc giao các con chung cho bà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, chấp nhận yêu cầu về nuôi con của bà Thị N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Thị N rút yêu cầu về việc buộc ông Điểu D cấp dưỡng nuôi con. Việc rút một phần yêu cầu của bà N là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn ông Điểu D không có yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu mà bà N đã rút. Bà N có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn bà Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147; 217; 218; 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị N ly hôn với ông Điểu D.

[2] Về nuôi dưỡng con chung: Giao các con chung gồm cháu Điểu Xuân Tr1 sinh ngày 21/5/2010 và cháu Điểu Xuân Tr, sinh ngày 26/10/2018 cho bà Thị N trực tiệp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Thị N. Bà N có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thị N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011136 ngày 26/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Trả lại cho bà Thị N số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) còn dư theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011136 ngày 26/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Phượng